

**QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt quyết toán dự án dừng thực hiện  
Dự án: Khu dân cư đô thị Tam Hiệp II (giai đoạn 1)**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 ngày 13/6/2019;*

*Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2015 quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng; số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng và số 50/2021/NĐ-CP ngày 01/4/2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2015;*

*Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;*

*Căn cứ Thông tư số 10/2020/TT-BTC ngày 20/02/2020 của Bộ Tài chính quy định về quyết toán dự án hoàn thành sử dụng nguồn vốn nhà nước;*

*Theo Quyết định số 252/QĐ-KTM ngày 27/10/2010 của Ban quản lý Khu kinh tế mở Chu Lai về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình Khu dân cư đô thị Tam Hiệp II (giai đoạn 1) và Công văn số 451/KTM-QHXD ngày 04/9/2013 của Ban quản lý Khu kinh tế mở Chu Lai về việc xác định điểm dừng kỹ thuật, bàn giao công trình đưa vào sử dụng và quyết toán công trình Khu dân cư đô thị Tam Hiệp II (giai đoạn 1);*

*Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 221/TTr-STC ngày 31/5/2021 (kèm các Báo cáo kết quả thẩm tra: số 131/BCTT-STC ngày 29/6/2012, số 368/BC-STC ngày 28/12/2012, số 259/BC-STC ngày 09/12/2013, số 199/BC-STC ngày 02/7/2015, số 184/BC-STC ngày 10/8/2016, số 332/BC-STC ngày 02/12/2015, số 1406/BC-STC ngày 31/5/2021 của Sở Tài chính và kết quả phê duyệt quyết toán chi phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư tại Quyết định số 3735/QĐ-UBND ngày 26/6/2019 của UBND huyện Núi Thành).*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt quyết toán dự án dừng thực hiện

1. Dự án: Khu dân cư đô thị Tam Hiệp II (giai đoạn 1).
2. Cơ quan quyết định đầu tư: Ban quản lý Khu kinh tế mở Chu Lai.

3. Cơ quan được ủy quyền làm chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án hạ tầng thuộc Ban quản lý Khu kinh tế mở Chu Lai (nay đã giao cho Ban quản lý Khu kinh tế mở Chu Lai).

4. Địa điểm: xã Tam Hiệp, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam.

5. Thời gian khởi công: 22/6/2011; hoàn thành theo điểm dừng kỹ thuật: 10/9/2013.

## **Điều 2. Kết quả đầu tư**

1. Nguồn vốn đầu tư:

a) Tổng mức đầu tư được duyệt: 132.743.198.000 đồng.

b) Nguồn vốn đầu tư: ngân sách nhà nước.

c) Vốn đầu tư đã thực hiện: 93.710.545.881 đồng, gồm:

- Thanh toán hết kế hoạch năm 2016: 83.464.273.191 đồng.

- UBND huyện Núi Thành đã thực hiện khấu trừ tiền hỗ trợ chênh lệch đất tái định cư vào tiền sử dụng đất phải nộp khi người dân nhận đất tái định cư (ngân sách không cấp phát): 10.246.272.690 đồng theo Quyết định số 3735/QĐ-UBND ngày 26/6/2019.

- Kế hoạch vốn từ năm 2017 đến nay: không bố trí.

2. Chi phí đầu tư:

	Tổng dự toán công trình được duyệt (đồng)	Chi phí đầu tư được quyết toán (đồng)
Tổng số	132.743.198.000	94.662.642.480

3. Chi phí đầu tư không tính vào giá trị tài sản: không có.

4. Giá trị tài sản hình thành qua đầu tư:

	Tài sản do Chủ đầu tư quản lý sử dụng (đồng)	Tài sản giao cho đơn vị khác quản lý sử dụng (đồng)
Tài sản cố định		94.662.642.480

## **Điều 3. Trách nhiệm của Chủ đầu tư và các đơn vị liên quan**

1. Ban quản lý Khu kinh tế mở Chu Lai (Chủ đầu tư):

a) Được phép tất toán nguồn vốn, chi phí đầu tư dự án Khu dân cư đô thị Tam Hiệp II (giai đoạn 1), số tiền: 94.662.642.480 đồng. Đồng thời, kiểm điểm rút kinh nghiệm trong phối hợp với UBND huyện Núi Thành về phê duyệt quyết toán chi phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư phân bổ sung dẫn đến chậm tổng hợp quyết toán toàn bộ dự án hơn 05 năm so với quy định của Bộ Tài chính tại Thông tư số 09/2016/TT-BTC ngày 18/01/2016 và Thông tư số 10/2020/TT-BTC ngày 20/02/2020.

b) Thanh toán các khoản công nợ theo giá trị quyết toán được phê duyệt. Các khoản công nợ (đến ngày 28/6/2019):

- Tổng nợ phải thu: 12.035.180 đồng.

- Tổng nợ phải trả: 964.131.779 đồng.

*(Chi tiết các khoản công nợ theo Phụ lục đính kèm)*

c) Thu hồi nộp ngân sách tỉnh khoản phải thu số tiền: 12.035.180 đồng; làm việc với Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu UBND tỉnh bố trí vốn để trả nợ cho dự án, với số tiền còn thiếu: 964.131.779 đồng. Đồng thời cùng với UBND huyện Núi Thành

chịu trách nhiệm tính chính xác của số liệu chi trả tiền đất bồi thường cho dân với khấu trừ chênh lệch tiền sử dụng đất bố trí tái định cư cho dân (tự bù trừ), số tiền: 10.246.272.690 đồng.

d) Bàn giao tài sản hình thành sau đầu tư các hạng mục công trình: giao thông, san nền, thoát nước; hệ thống cấp nước; hệ thống cấp điện cho UBND huyện Núi Thành quản lý, sử dụng theo chỉ đạo của UBND tỉnh tại Công văn số 7048/UBND-KTN ngày 01/12/2020.

## 2. UBND huyện Núi Thành:

a) UBND huyện Núi Thành là đơn vị quản lý tài sản phải ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình, với số tiền: hạng mục công trình giao thông, san nền, thoát nước: 86.574.175.000 đồng; hệ thống cấp nước: 4.642.924.000 đồng; hệ thống cấp điện: 3.445.543.480 đồng và quản lý sử dụng, hạch toán kê khai biến động tài sản theo quy định.

Tên tài sản/ Quy mô	Nguyên giá (đồng)	Nguồn vốn
* Khu dân cư đô thị Tam Hiệp II (giai đoạn 1) có tổng diện tích đã xây dựng sau đầu tư: 14,4053 ha (diện tích theo quy hoạch là 17,27 ha), trong đó: (i) đất phân lô tái định cư: 8,0027 ha, tương ứng 425 lô, đã bố trí tái định cư 290 lô tương ứng với diện tích 4,6411 ha, chưa bố trí tái định cư 135 lô tương ứng với diện tích 3,3616 ha; (ii) đất hạ tầng giao thông: 5,1213 ha; (iii) đất thương mại dịch vụ: 0,293 ha; (iv) đất cây xanh: 0,9883 ha, đã đầu tư kết cấu hạ tầng như sau:	<b>94.662.642.480</b>	
<b>1. Hạng mục: giao thông, san nền, thoát nước:</b> - Đường giao thông đã hoàn thiện mặt đường bê tông nhựa, bó vỉa bê tông, vỉa hè lát gạch block, hệ thống thoát nước, gồm: các đoạn tuyến có bề rộng Bnền = 11,5m có tổng chiều dài L=1.049,01m (tuyến số 2 dài 152,45m, tuyến số 5 dài 352,51m, tuyến số 7 dài 31,2m, tuyến số 9 dài 51m, tuyến số 10 dài 101,66m, tuyến số 11 dài 85m, tuyến số 12 dài 116,32m, tuyến số 13 dài 78,21m, tuyến số 14 dài 80,65m); đoạn tuyến có bề rộng Bnền = 15,5m có chiều dài L=269,52m (tuyến số 3); đoạn tuyến có bề rộng Bnền = 20,5m có chiều dài L=184,87m (tuyến số 8); đoạn tuyến có bề rộng Bnền = 35m có chiều dài L=397,6m (tuyến số 4). - Hệ thống thoát nước dọc dùng ống công bê tông ly tâm kết hợp mương bê tông đập đan bê tông cốt thép, hố ga, cống qua đường, cống kỹ thuật. - Hệ thống thoát nước thải bằng mương bê tông đập đan, có khẩu độ Lo=0,4m, đã hoàn thiện đoạn mương có tổng chiều dài 2.056m. - Diện tích đã san nền 9,2840 ha, nền đất đầm chặt k85.	86.574.175.000	Ngân sách nhà nước
<b>2. Hạng mục: cấp nước:</b> - Đường ống cấp nước trong khu loại HDPE có đường kính các loại D200, D100, D50 có tổng chiều dài L = 4.195,8m, gồm: đường ống D200 dài 488,8m, đường ống D100 dài 1.544m và đường ống D50 dài 2.163m.	4.642.924.000	

<b>3. Hạng mục: cấp điện</b> - Trạm biến áp 100 kVA 22/0,4kV: 01 trạm. - Đường dây trung thế 22 kV dài 1.512m, sử dụng dây cáp nhôm bọc PVC/PVC 12.7/24 kV AV70. - Đường dây hạ thế 0,4 kV dài 1.456m, sử dụng dây cáp vặn xoắn ABC (4x120), ABC (4x95), ABC (4x70) và các phụ kiện đi kèm.	3.445.543.480	
--	---------------	--

b) Phối hợp với Công ty Điện lực Quảng Nam lập hồ sơ, thủ tục liên quan đến tài sản hạng mục cấp điện gửi Sở Công Thương, Sở Tài chính tổng hợp tham mưu UBND tỉnh đề nghị Tập đoàn Điện lực Việt Nam tiếp nhận theo chỉ đạo của UBND tỉnh tại Thông báo số 35/TB-UBND ngày 29/01/2021 để tham mưu xử lý thủ tục theo quy định về quản lý tài sản.

c) Tổ chức đấu thầu lựa chọn đơn vị quản lý, vận hành cung cấp nước sạch cho người dân trong Khu dân cư theo chỉ đạo của UBND tỉnh tại Công văn số 7048/UBND-KTN ngày 01/12/2020.

d) Quản lý, sử dụng quỹ đất tái định cư còn lại (135 lô tương ứng với diện tích 3,36162 ha) để bố trí tái định cư cho các đối tượng và trình phê duyệt giá đất tái định cư, thu tiền sử dụng đất tái định cư theo đúng quy định.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư theo dõi khi xuất hiện nguồn vốn đầu tư tham mưu UBND tỉnh bố trí cho dự án: 964.131.779 đồng để thanh toán theo quy định.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Trưởng Ban quản lý Khu kinh tế mở Chu Lai; Giám đốc các Sở: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Công Thương, Xây dựng; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh, Chủ tịch UBND huyện Núi Thành và thủ trưởng các đơn vị liên quan căn cứ quyết định thi hành.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

**Nơi nhận:**

- Như điều 4;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các PVP;
- Lưu: VT, KTN, KTTH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



*Nguyễn Hồng Quang*  
**Nguyễn Hồng Quang**



**Phụ lục**  
**TÌNH HÌNH THANH TOÁN VÀ CÔNG NỢ CỦA DỰ ÁN**  
**Dự án: Khu dân cư đô thị Tam Hiệp II (giai đoạn 1)**  
(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày /6/2021 của UBND tỉnh Quảng Nam)

ĐVT: đồng

TT	Tên cá nhân, đơn vị thực hiện	Nội dung công việc hợp đồng thực hiện	Chi phí đầu tư được quyết toán	Đã thanh toán	Công nợ đến ngày 28/6/2019		Ghi chú
					Phải trả	Phải thu	
1	2	3	4	5	6	7	8
<b>I Chi phí xây dựng</b>							
1	Liên danh Công ty TNHH Thanh Tùng - Công ty TNHH kỹ thuật xây dựng Quang Đại Việt	Thi công xây dựng hạng mục: Giao thông, san nền thoát nước	49.206.417.000	49.034.548.011	171.868.989		
2	Công ty CP Tư vấn và xây dựng Bách Khoa	Thi công xây dựng hạng mục: Cấp nước	2.732.610.000	2.695.000.000	37.610.000		
<b>II Chi phí quản lý dự án</b>							
1	Ban Quản lý dự án hạ tầng	Chi phí Quản lý dự án	729.356.000	721.089.000	8.267.000		
<b>III Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng</b>							
<b>1 Giao thông, san nền thoát nước</b>							
1.1	C.ty TNHH 1TV TVXD Khánh Nguyên Minh	Khảo sát, lập dự án đầu tư	435.487.000	398.000.000	37.487.000		
1.2	Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Lộc Hưng	Thẩm tra tổng mức đầu tư	16.009.000	13.000.000	3.009.000		
1.3	C.ty TNHH 1TV TVXD Khánh Nguyên Minh	Khảo sát lập thiết kế - dự toán	774.087.000	700.000.000	74.087.000		
1.4	Công ty cổ phần Trí Cường	Thẩm tra thiết kế - dự toán	98.473.000	80.000.000	18.473.000		
1.5	Ban Quản lý dự án hạ tầng	Lập hồ sơ mời thầu	63.951.000	50.000.000	13.951.000		
1.6	Ban Quản lý dự án hạ tầng	Giám sát kỹ thuật thi công	809.132.000	777.000.000	32.132.000		
1.7	Trung tâm thí nghiệm và kiểm định xây dựng Quảng Ngãi	Kiểm định chất lượng công trình	353.085.000	350.000.000	3.085.000		
<b>2 Cấp nước</b>							
2.1	Công ty TNHH Tư vấn ĐTXD Thu Bồn	Khảo sát lập thiết kế - dự toán	73.031.000	63.900.000	9.131.000		
2.2	Công ty TNHH Tư vấn xây dựng Quảng Nam	Thẩm tra thiết kế - dự toán	10.997.000	8.000.000	2.997.000		
2.3	Ban Quản lý dự án hạ tầng	Lựa chọn nhà thầu	9.718.000		9.718.000		

TT	Tên cá nhân, đơn vị thực hiện	Nội dung công việc hợp đồng thực hiện	Chi phí đầu tư được quyết toán	Đã thanh toán	Công nợ đến ngày 28/6/2019		Ghi chú
					Phải trả	Phải thu	
<b>IV</b>	<b>Chi phí khác</b>						
<b>1</b>	<b>Giao thông, san nền thoát nước</b>						
1.1	Ban Quản lý Khu kinh tế mở Chu Lai	Lệ phí thẩm định dự án	7.965.000	20.000.000		12.035.000	
1.2	Cục thuế Quảng Nam	Thuế tài nguyên	60.019.000		60.019.000		
1.3	Cục thuế Quảng Nam	Phí bảo vệ môi trường	45.014.000		45.014.000		
1.4	Công ty cổ phần bảo hiểm AAA- Chi nhánh Quảng Nam	Bảo hiểm	105.794.000	100.000.000	5.794.000		
1.5	C.ty TNHH MTV PTHT Khu CN Chu Lai	Đất nguyên liệu	996.339.000	996.339.180		180	
1.6	Công ty TNHH kiểm toán FAC chi nhánh Miền Trung	Kiểm toán quyết toán	134.544.000		134.544.000		
1.7	Sở Tài chính Quảng Nam	Thẩm tra phê duyệt quyết toán	40.008.000		40.008.000		
<b>2</b>	<b>Cấp nước</b>						
2.1	Công ty Bảo Việt Quảng Nam	Bảo hiểm	13.396.000	8.000.000	5.396.000		
2.2	Công ty TNHH kiểm toán FAC chi nhánh Miền Trung	Kiểm toán quyết toán	10.427.000		10.427.000		
2.3	Sở Tài chính Quảng Nam	Thẩm tra phê duyệt quyết toán	2.776.000		2.776.000		
<b>VI</b>	<b>Chi phí bồi thường GPMB</b>						
1	Trung tâm bồi thường - Công ty Kỳ Hà Chu Lai	Bồi thường GPMB, hỗ trợ tái định cư	33.329.675.480	33.329.674.690	790		
2	Trung tâm bồi thường - Công ty Kỳ Hà Chu Lai	Chi phí lập phương án bồi thường, GPMB	599.934.000	412.288.000	187.646.000		
3	Trung tâm bồi thường - Công ty Kỳ Hà Chu Lai	Chi phí thẩm định phương án bồi thường	46.162.000	44.250.000	1.912.000		
4	Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện Núi Thành	Thẩm tra phê duyệt quyết toán	20.804.000		20.804.000		
5	Công ty TNHH kiểm toán FAC chi nhánh Miền Trung	Kiểm toán quyết toán	27.975.000		27.975.000		
	<b>Tổng số</b>				<b>964.131.779</b>	<b>12.035.180</b>	